



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC
Thành viên của PrimeGlobal





**CÔNG TY CỔ PHẦN
MĨ THUẬT VÀ TRUYỀN THÔNG**
Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2024



MỤC LỤC

Trang

Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 3
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4
Báo cáo tài chính giữa niên độ	
• Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 6
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	9 – 29

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Mỹ thuật và Truyền thông công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2024 đã được soát xét.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Mỹ thuật và Truyền thông (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 1064/QĐ-TCNS ngày 13/09/2007 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 0103019582 ngày 14/09/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 15 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 31/05/2023 với mã số doanh nghiệp là 0102365521.

Công ty niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký niêm yết cổ phiếu số 113/GCN-SGDHN ngày 17/12/2010 với mã chứng khoán là ADC. Ngày chính thức giao dịch cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội là ngày 24/12/2010.

Vốn điều lệ: 39.779.360.000 đồng

Vốn góp thực tế đến thời điểm 30/06/2024: 39.779.360.000 đồng

Trụ sở chính

- Địa chỉ: Tầng 12A, Tòa nhà Diamond Flower, Lô đất C1 Khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại: (84) 024.35122163
- Fax: (84) 024.35121385
- Website: www.adc.net.vn

Lĩnh vực kinh doanh chính

- Xuất bản, phát hành các sản phẩm giáo dục;
- Thiết kế, chế bản in các ấn phẩm phục vụ ngành giáo dục;
- Sản xuất tem chống giả;
- Kinh doanh sách – Thiết bị, đồ dùng dạy học;
- Truyền thông, tổ chức hội chợ, triển lãm, giới thiệu các sản phẩm thương mại.

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến thời điểm cuối kỳ kế toán là 379 người. Trong đó, cán bộ quản lý là 4 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|--------------------|--------------|------------------------------|
| Ông Lê Hoàng Hải | Chủ tịch | Bổ nhiệm lại ngày 27/04/2023 |
| Ông Đinh Gia Lê | Phó chủ tịch | Bổ nhiệm lại ngày 27/04/2023 |
| Ông Phạm Văn Thắng | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 27/04/2023 |

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- | | | |
|----------------------|---------|------------------------------|
| • Bà Nguyễn Bích La | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 27/04/2023 |
| • Ông Phạm Huy Phong | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 27/04/2023 |

Ban kiểm soát

- | | | |
|--------------------------|------------|------------------------------|
| • Bà Nguyễn Thị Thu Hồng | Trưởng ban | Bổ nhiệm lại ngày 27/04/2023 |
| • Bà Trần Thị Thu Hương | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 27/04/2023 |
| • Ông Vũ Đức Tính | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 27/04/2023 |

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|---------------------------|----------------|------------------------------|
| • Ông Phạm Văn Thắng | Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 12/06/2022 |
| • Bà Nguyễn Bích La | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 01/06/2021 |
| • Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 17/07/2024 |
| • Ông Nguyễn Văn Quyết | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm ngày 27/04/2023 |

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30/06/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2024, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Giám đốc

Giám đốc



Phạm Văn Thắng

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2024



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP CỦA PRIMEGLOBAL
CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN - KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 957/2024/BCSX-AAC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ lập ngày 12/08/2024 của Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 5 đến trang 29, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2024 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

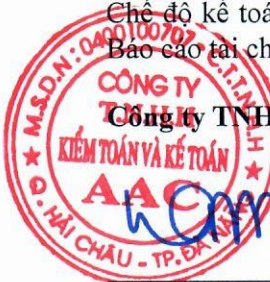
Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 "Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện".

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, chúng tôi không thấy có vấn đề gì để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2024, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2023-010-1

Đà Nẵng, ngày 12 tháng 08 năm 2024

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh:

47 - 49 Hoàng Sa (Tầng 3, Tòa nhà Hoàng Đan), Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Tel: +84 (28) 3910 2235; Fax: +84 (28) 3910 2349

Chi nhánh tại Hà Nội:

Số 09 phố Duy Tân, (Tầng 6, Tòa nhà Việt Á), Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Tel: +84 (24) 3224 2403; Fax: +84 (24) 3224 2402

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Ngày 30 tháng 06 năm 2024

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		130.552.298.988	133.207.366.907
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	29.912.176.400	39.344.466.716
1. Tiền	111		11.912.176.400	13.344.466.716
2. Các khoản tương đương tiền	112		18.000.000.000	26.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		13.750.000.000	12.750.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121	6.a	750.000.000	750.000.000
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6.b	13.000.000.000	12.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		38.271.257.177	33.546.798.458
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	32.846.886.979	26.401.673.551
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	696.330.677	3.689.815.181
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9.a	5.080.506.686	4.517.181.461
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(352.467.165)	(1.061.871.735)
IV. Hàng tồn kho	140	11	41.782.364.177	42.426.743.706
1. Hàng tồn kho	141		41.782.364.177	42.426.743.706
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.836.501.234	5.139.358.027
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12.a	6.836.501.234	4.373.551.158
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	-	765.806.869
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		27.202.163.571	29.040.609.494
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		4.740.272.375	4.600.272.375
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	9.b	4.740.272.375	4.600.272.375
II. Tài sản cố định	220		17.423.900.083	18.153.178.213
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	16.558.277.598	16.943.630.556
- Nguyên giá	222		35.559.515.558	35.351.221.012
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(19.001.237.960)	(18.407.590.456)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	865.622.485	1.209.547.657
- Nguyên giá	228		2.716.697.277	2.716.697.277
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.851.074.792)	(1.507.149.620)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		5.037.991.113	6.287.158.906
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12.b	5.037.991.113	6.287.158.906
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		157.754.462.559	162.247.976.401

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Ngày 30 tháng 06 năm 2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		83.396.410.042	84.214.754.129
I. Nợ ngắn hạn	310		83.396.410.042	84.214.754.129
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	47.217.212.535	43.626.578.197
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	766.414.172	708.729.429
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	2.188.679.889	3.149.870.421
4. Phải trả người lao động	314		25.281.023.424	31.099.281.638
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		13.960.100	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	2.743.662.508	2.983.550.945
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5.185.457.414	2.646.743.499
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		74.358.052.517	78.033.222.272
I. Vốn chủ sở hữu	410		74.358.052.517	78.033.222.272
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	19	39.779.360.000	39.779.360.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		39.779.360.000	39.779.360.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	19	29.440.596.237	24.022.052.102
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	19	5.138.096.280	14.231.810.170
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		5.138.096.280	14.231.810.170
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		157.754.462.559	162.247.976.401



Phạm Văn Thắng

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2024

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Quyết

Người lập biểu

Hà Huy Tuấn

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
GIỮA NIÊN ĐỘ**
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2024

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2024 VND	6 tháng đầu năm 2023 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	21	165.287.572.110	174.666.425.476
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		165.287.572.110	174.666.425.476
4. Giá vốn hàng bán	11	22	107.940.601.500	116.612.810.545
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		57.346.970.610	58.053.614.931
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	1.071.684.707	710.312.345
7. Chi phí tài chính	22		10.148.390	156.028.078
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	24.a	44.036.359.015	42.472.035.446
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24.b	7.943.000.322	9.221.039.384
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.429.147.590	6.914.824.368
11. Thu nhập khác	31		6.937.413	9.968.098
12. Chi phí khác	32	25	26.301.374	222.714.787
13. Lợi nhuận khác	40		(19.363.961)	(212.746.689)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.409.783.629	6.702.077.679
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	1.271.687.349	1.567.414.901
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		5.138.096.280	5.134.662.778
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	1.033	1.033
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	27	1.033	1.033



Giám đốc

Phạm Văn Thắng

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2024

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Quyết

Người lập biểu

Hà Huy Tuấn

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
GIỮA NIÊN ĐỘ**
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2024

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2024 VND	6 tháng đầu năm 2023 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		6.409.783.629	6.702.077.679
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	13;14	937.572.676	1.003.797.132
- Các khoản dự phòng	03	10;11	(709.404.570)	442.447.756
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	23	(719.995.777)	(366.136.259)
3. LN từ hoạt động KD trước thay đổi vốn lưu động	08		5.917.955.958	7.782.186.308
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(3.178.247.282)	11.873.054.645
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		644.379.529	(1.343.515.636)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể trả lãi vay, thuế thu nhập phải nộp)	11		(1.217.177.935)	(16.349.268.403)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.213.782.283)	425.388.942
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	17	(3.460.818.266)	(4.036.641.495)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(307.648.120)	(1.163.400.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(2.815.338.399)	(2.812.195.639)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		(443.494.546)	(360.000.000)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1.000.000.000)	-
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		-	5.844.705.005
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	9;23	744.195.779	319.479.486
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(699.298.767)	5.804.184.491
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	18;19	(5.917.653.150)	(5.971.017.690)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(5.917.653.150)	(5.971.017.690)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(9.432.290.316)	(2.979.028.838)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5	39.344.466.716	11.237.414.969
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5	29.912.176.400	8.258.386.131



Giám đốc

Phạm Văn Thắng

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2024

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Quyết

Người lập biểu

Hà Huy Tuấn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Mỹ thuật và Truyền thông (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 1064/QĐ-TCNS ngày 13/09/2007 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 0103019582 ngày 14/09/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 15 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 31/05/2023 với mã số doanh nghiệp là 0102365521.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính

- Xuất bản, phát hành các sản phẩm giáo dục;
- Thiết kế, chế bản in các ấn phẩm phục vụ ngành giáo dục;
- Sản xuất tem chống giả;
- Kinh doanh sách – Thiết bị, đồ dùng dạy học;
- Truyền thông, tổ chức hội chợ, triển lãm, giới thiệu các sản phẩm thương mại.

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12. Riêng báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2024 (bắt đầu từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024).

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.2 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán và các công cụ tài chính khác (thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi,...) được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm: giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Khoản cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán nếu giá thị trường của chứng khoán kinh doanh thấp hơn giá gốc.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Trường hợp các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối kỳ.

4.3 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá gốc được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	50
Máy móc, thiết bị	3 - 5
Phương tiện vận tải	5
Thiết bị dụng cụ quản lý	3
Tài sản cố định khác	Hết khấu hao

4.6 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm máy tính	5

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 12 tháng đến 24 tháng;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 18 tháng;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.8 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.9 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.10 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông góp vốn theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông góp vốn không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.11 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
- ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.12 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.13 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi vay, chiết khấu thanh toán cho người mua, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.14 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.15 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.16 Công cụ tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi, các khoản đầu tư tài chính, phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.17 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT:
 - Đối với sách giáo khoa, sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa: Thuộc đối tượng không chịu thuế;
 - Đối với sách tham khảo không hỗ trợ cho sách giáo khoa, sách bản quyền: Áp dụng mức thuế suất 5%;
 - Đối với thiết kế, chế bản và truyền thông: Áp dụng mức thuế suất 10%. Từ ngày 01/01/2024 đến hết ngày 30/06/2024, Công ty áp dụng mức thuế suất 8% đối với các mặt hàng này theo Nghị quyết 110/2023/QH15 ngày 29/11/2023 của Quốc hội.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2024	01/01/2024
Tiền mặt	250.752.545	75.408.656
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	11.661.423.855	13.269.058.060
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 3 tháng	18.000.000.000	26.000.000.000
Cộng	29.912.176.400	39.344.466.716

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. Đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh

	30/06/2024			01/01/2024		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Công ty CP DVXB Giáo dục Hà Nội (*)	750.000.000	1.162.500.000	-	750.000.000	967.500.000	-
Cộng	750.000.000	1.162.500.000	-	750.000.000	967.500.000	-

Theo quyết định số 45A/QĐ-MTTT ngày 05/03/2016 của Giám đốc Công ty về việc góp vốn tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội (mã chứng khoán EPH) thì mục đích đầu tư là để sinh lời và chuyển nhượng khi có điều kiện.

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn 6 tháng	13.000.000.000	13.000.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000
Cộng	13.000.000.000	13.000.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000

Tại thời điểm 30/06/2024, khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng. Ban Giám đốc đánh giá rằng các khoản tiền gửi này không bị tổn thất, suy giảm về giá trị.

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2024	01/01/2024
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	2.371.036.612	3.387.549.037
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	9.163.410.087	2.915.748.015
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	2.988.966.744	6.500.000
Các đối tượng khác	18.323.473.536	20.091.876.499
Cộng	32.846.886.979	26.401.673.551

Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	Mối quan hệ	30/06/2024	01/01/2024
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt Nam	Công ty đầu tư	727.085.021	776.821.912
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Hà Nội	ĐVTT Công ty đầu tư	9.163.410.087	2.915.748.015
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	ĐVTT Công ty đầu tư	2.988.966.744	6.500.000
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	ĐVTT Công ty đầu tư	7.800.000	7.800.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2024	01/01/2024
Công ty TNHH Bán lẻ Phương Nam	256.563.518	256.563.518
Công ty CP Ringme Việt Nam	235.200.000	-
Các đối tượng khác	204.567.159	3.433.251.663
Cộng	696.330.677	3.689.815.181

9. Phải thu khác

a. Ngắn hạn

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	180.821.916	-	205.021.918	-
Tạm ứng	624.976.427	-	4.500.000	-
Ký cược, ký quỹ	2.148.034.325	-	2.148.034.325	-
Phải thu thuế TNCN nhân viên	307.787.772	-	693.365.888	-
Phải thu khác	1.818.886.246	-	1.466.259.330	-
Cộng	5.080.506.686	-	4.517.181.461	-

b. Dài hạn

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	4.740.272.375	-	4.600.272.375	-
Cộng	4.740.272.375	-	4.600.272.375	-

10. Dự phòng phải thu khó đòi

a. Ngắn hạn

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Số đầu kỳ	(1.061.871.735)	(619.423.979)
Trích lập dự phòng tăng trong kỳ	-	(442.447.756)
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	709.404.570	-
Giảm dự phòng do xử lý nợ trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	(352.467.165)	(1.061.871.735)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Nợ xấu

	30/06/2024			
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Ghi chú
Công ty CP Sách và TBTH Hà Giang	177.729.026	-	Trên 3 năm	Quá hạn thanh toán
Các đối tượng khác	506.894.766	332.156.627	Trên 1 năm	Quá hạn thanh toán
Cộng	684.623.792	332.156.627		

	01/01/2024			
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Ghi chú
Công ty CP Sách và TBTH Hà Giang	329.529.026	-	Trên 3 năm	Quá hạn thanh toán
Các đối tượng khác	1.935.492.466	1.203.149.757	Trên 1 năm	Quá hạn thanh toán
Cộng	2.265.021.492	1.203.149.757		

11. Hàng tồn kho

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.598.847.806	-	1.615.456.915	-
Thành phẩm	24.093.904.266	-	19.455.401.331	-
Hàng hóa	16.089.612.105	-	10.426.947.035	-
Hàng gửi bán	-	-	10.928.938.425	-
Cộng	41.782.364.177	-	42.426.743.706	-

- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 30/06/2024.
- Không có hàng tồn kho kém phẩm chất, chậm tiêu thụ tại thời điểm 30/06/2024.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	30/06/2024	01/01/2024
Chi phí thuê, sửa chữa cửa hàng	3.222.934.261	3.042.168.300
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	971.974.028	287.463.545
Phí quản lý xuất bản	1.945.015.070	-
Chi phí làm sách thị trường	329.105.534	751.339.090
Các khoản khác	367.472.341	292.580.223
Cộng	6.836.501.234	4.373.551.158

b. Dài hạn

	30/06/2024	01/01/2024
Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	848.163.111	992.689.551
Chi phí thuê cửa hàng, kho, xưởng,... chờ phân bổ	3.289.000.000	4.147.000.000
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	110.515.292	292.282.082
Các khoản khác	790.312.710	855.187.273
Cộng	5.037.991.113	6.287.158.906

13. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu kỳ	18.125.999.284	10.231.373.192	5.608.922.645	1.314.635.003	70.290.888	35.351.221.012
Mua sắm trong kỳ	-	208.294.546	-	-	-	208.294.546
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	18.125.999.284	10.439.667.738	5.608.922.645	1.314.635.003	70.290.888	35.559.515.558
Khấu hao						
Số đầu kỳ	2.838.628.198	8.924.704.105	5.446.667.143	1.127.300.122	70.290.888	18.407.590.456
Khấu hao trong kỳ	181.259.994	238.852.083	134.201.083	39.334.344	-	593.647.504
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	3.019.888.192	9.163.556.188	5.580.868.226	1.166.634.466	70.290.888	19.001.237.960
Giá trị còn lại						
Số đầu kỳ	15.287.371.086	1.306.669.087	162.255.502	187.334.881	-	16.943.630.556
Số cuối kỳ	15.106.111.092	1.276.111.550	28.054.419	148.000.537	-	16.558.277.598

- Không có TSCĐ hữu hình đang cầm cố, thế chấp các khoản vay tại ngày 30/06/2024.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2024 là 13.714.205.743 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu kỳ	2.716.697.277	2.716.697.277
Tăng trong kỳ	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số cuối kỳ	2.716.697.277	2.716.697.277
Khấu hao		
Số đầu kỳ	1.507.149.620	1.507.149.620
Khấu hao trong kỳ	343.925.172	343.925.172
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số cuối kỳ	1.851.074.792	1.851.074.792
Giá trị còn lại		
Số đầu kỳ	1.209.547.657	1.209.547.657
Số cuối kỳ	865.622.485	865.622.485

- Không có TSCĐ vô hình đang cầm cố, thế chấp các khoản vay tại ngày 30/06/2024.
- Không có TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2024.

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2024	01/01/2024
Nhà Xuất bản Kim Đồng	3.321.665.475	1.594.718.740
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	2.485.803.171	3.142.945.171
Công ty CP In Bao bì Hà Tây	2.124.883.302	2.071.038.081
Công ty TNHH In Nhật Hàn	2.275.000.000	-
Các đối tượng khác	37.009.860.587	36.817.876.205
Cộng	47.217.212.535	43.626.578.197

Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan

	Mối quan hệ	30/06/2024	01/01/2024
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt Nam	Công ty đầu tư	-	82.800.000
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	ĐVTTCông ty đầu tư	2.485.803.171	3.142.945.171

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2024	01/01/2024
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. HCM	25.657.690	25.657.690
Các đối tượng khác	740.756.482	683.071.739
Cộng	766.414.172	708.729.429

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ	
	Phải thu	Phải trả			Phải thu	Phải trả
Thuế giá trị gia tăng	765.806.869	-	4.108.822.794	2.437.938.640	-	905.077.285
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	3.042.581.554	1.271.687.349	3.460.818.266	-	853.450.637
Thuế thu nhập cá nhân	-	107.288.867	1.134.123.523	811.260.423	-	430.151.967
Các loại thuế khác	-	-	23.000.000	23.000.000	-	-
Cộng	765.806.869	3.149.870.421	6.537.633.666	6.733.017.329	-	2.188.679.889

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

18. Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2024	01/01/2024
Kinh phí công đoàn	1.884.617.697	2.024.651.273
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	87.449.020	38.198.170
Phải trả khác	771.595.791	920.701.502
Cộng	2.743.662.508	2.983.550.945

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

19. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2023	39.779.360.000	19.467.200.684	13.152.194.273	72.398.754.957
Tăng trong năm	-	4.554.851.418	14.231.810.170	18.786.661.588
Giảm trong năm	-	-	13.152.194.273	13.152.194.273
Số dư tại 31/12/2023	<u>39.779.360.000</u>	<u>24.022.052.102</u>	<u>14.231.810.170</u>	<u>78.033.222.272</u>
Số dư tại 01/01/2024	39.779.360.000	24.022.052.102	14.231.810.170	78.033.222.272
Tăng trong kỳ	-	5.418.544.135	5.138.096.280	10.556.640.415
Giảm trong kỳ	-	-	14.231.810.170	14.231.810.170
Số dư tại 30/06/2024	<u>39.779.360.000</u>	<u>29.440.596.237</u>	<u>5.138.096.280</u>	<u>74.358.052.517</u>

b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	39.779.360.000	39.779.360.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	39.779.360.000	39.779.360.000
Cổ tức đã chia	5.966.904.000	5.966.904.000

c. Cổ phiếu

	30/06/2024 Cổ phiếu	01/01/2024 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.977.936	3.977.936
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.977.936	3.977.936
- Cổ phiếu phổ thông	3.977.936	3.977.936
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.977.936	3.977.936
- Cổ phiếu phổ thông	3.977.936	3.977.936
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	14.231.810.170	13.152.194.273
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	5.138.096.280	5.134.662.778
Phân phối lợi nhuận	14.231.810.170	13.152.194.273
- Phân phối lợi nhuận năm trước	14.231.810.170	13.152.194.273
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	5.418.544.135	4.554.851.418
+ Trích quỹ KTPL, HĐQT, BKS	2.846.362.035	2.630.438.855
+ Trả cổ tức bằng tiền	5.966.904.000	5.966.904.000
- Tạm phân phối lợi nhuận kỳ này	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ	5.138.096.280	5.134.662.778

Lợi nhuận sau thuế năm 2023 được phân phối theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 ngày 17/04/2024.

e. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 ngày 17/04/2024 đã thông qua phương án trả cổ tức bằng tiền từ lợi nhuận sau thuế năm 2023 với tỷ lệ 15%/vốn điều lệ (tương ứng 5.966.904.000 đồng). Theo đó, Công ty đã chi trả toàn bộ số cổ tức trên trong 6 tháng đầu năm 2024.

20. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

	30/06/2024	01/01/2024
Hàng hóa nhận ký gửi	36.228.959.349	34.453.605.179

21. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Doanh thu bán sách và các ấn phẩm khác	140.571.827.587	151.852.557.025
Doanh thu phim, mỹ thuật, truyền thông	24.010.888.522	22.243.045.126
Doanh thu khác	704.856.001	570.823.325
Cộng	165.287.572.110	174.666.425.476

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

22. Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Giá vốn sách và các ấn phẩm khác	94.812.925.899	103.284.181.873
Giá vốn phim, mỹ thuật, truyền thông	12.422.819.600	12.929.552.317
Giá vốn khác	704.856.001	399.076.355
Cộng	107.940.601.500	116.612.810.545

23. Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	622.495.777	276.136.259
Cổ tức, lợi nhuận được chia	97.500.000	90.000.000
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	351.688.930	344.176.086
Cộng	1.071.684.707	710.312.345

24. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.171.951.781	1.287.085.185
Chi phí nhân công	19.986.288.982	18.344.996.141
Chi phí khấu hao tài sản cố định	137.926.964	142.343.348
Chi phí thuê nhà, cửa hàng	12.555.981.594	12.391.163.313
Các khoản khác	10.184.209.694	10.306.447.459
Cộng	44.036.359.015	42.472.035.446

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Chi phí công cụ, dụng cụ	304.712.090	225.498.873
Chi phí nhân công	3.643.063.370	5.102.938.665
Chi phí khấu hao tài sản cố định	576.719.581	689.951.040
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.208.362.362	1.574.818.526
Các khoản khác	2.919.547.489	1.185.384.524
(Hoàn nhập)/Dự phòng nợ phải thu khó đòi	(709.404.570)	442.447.756
Cộng	7.943.000.322	9.221.039.384

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

25. Chi phí khác

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Phạt thuế, vi phạm hành chính	11.950.000	85.754.127
Các khoản khác	14.351.374	136.960.660
Cộng	26.301.374	222.714.787

26. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.409.783.629	6.702.077.679
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	(51.346.886)	656.789.350
- Điều chỉnh tăng (chi phí không hợp lệ)	46.153.114	746.789.350
- Điều chỉnh giảm (cổ tức lợi nhuận được chia)	97.500.000	90.000.000
Tổng thu nhập chịu thuế	6.358.436.743	7.358.867.029
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.271.687.349	1.567.414.901
Trong đó:		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	1.271.687.349	1.471.773.406
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	95.641.495

27. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.138.096.280	5.134.662.778
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	(1.027.619.256)	(1.026.932.556)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ KTPL, HĐQT, BKS)	1.027.619.256	1.026.932.556
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	4.110.477.024	4.107.730.222
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	3.977.936	3.977.936
Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.033	1.033

“Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu 6 tháng đầu năm 2024” đã trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát theo kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thông qua.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

28. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.044.116.159	4.904.844.202
Chi phí nhân công	28.391.223.320	31.005.561.410
Chi phí khấu hao tài sản cố định	937.572.676	1.003.797.132
Chi phí dịch vụ mua ngoài	36.844.248.189	38.418.255.214
Chi phí khác bằng tiền	5.348.439.870	3.779.554.722
Cộng	74.565.600.214	79.112.012.680

29. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ thực tế hoạt động của Công ty, Ban Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chính là phát hành sách và ấn phẩm giáo dục và một bộ phận địa lý là lãnh thổ Việt Nam.

30. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về giá.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua nguyên vật liệu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá của nguyên vật liệu đầu vào. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty ký kết các hợp đồng nguyên tắc, dài hạn với các nhà cung cấp chính bên cạnh việc đa dạng hóa các nguồn cung cấp của Công ty.

Ngoài ra, chi phí in ấn cũng chiếm phần lớn trong giá vốn thành phẩm nên Công ty chịu rủi ro về giá phí in ấn. Công ty quản lý rủi ro này thông qua việc tìm kiếm nhà cung cấp với mức phí dịch vụ thấp nhất, tập trung số lượng in lớn trên bản in để giảm chi phí.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Ban Giám đốc đánh giá rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng khác nhau, bán hàng thu tiền ngay tại các cửa hàng bán lẻ. Các khách hàng khác của Công ty là các Công ty sách lớn, các trường mầm non công lập và ngoài công lập, các giáo viên,... Đây là các khách hàng truyền thống, tình hình thanh toán kịp thời. Mặt khác, các khoản nợ sắp đến hạn thanh toán thường xuyên được Công ty đôn đốc thu hồi.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

30/06/2024	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	47.217.212.535	-	47.217.212.535
Chi phí phải trả	13.960.100	-	13.960.100
Phải trả khác	859.044.811	-	859.044.811
Cộng	48.090.217.446	-	48.090.217.446
01/01/2024	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	43.626.578.197	-	43.626.578.197
Phải trả khác	958.899.672	-	958.899.672
Cộng	44.585.477.869	-	44.585.477.869

Ban Giám đốc cho rằng rủi ro thanh khoản của Công ty ở mức thấp và có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

30/06/2024	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	29.912.176.400	-	29.912.176.400
Chứng khoán kinh doanh	750.000.000	-	750.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	13.000.000.000	-	13.000.000.000
Phải thu khách hàng	32.494.419.814	-	32.494.419.814
Phải thu khác	4.147.742.487	4.740.272.375	8.888.014.862
Cộng	80.304.338.701	4.740.272.375	85.044.611.076

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

01/01/2024	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	39.344.466.716	-	39.344.466.716
Chứng khoán kinh doanh	750.000.000	-	750.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	12.000.000.000	-	12.000.000.000
Phải thu khách hàng	25.339.801.816	-	25.339.801.816
Phải thu khác	3.819.315.573	4.600.272.375	8.419.587.948
Cộng	81.253.584.105	4.600.272.375	85.853.856.480

31. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	ĐVTT Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	ĐVTT Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP HCM	ĐVTT Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Cần Thơ	ĐVTT Công ty đầu tư
Viện Nghiên cứu Sách và Học Liệu Giáo dục	ĐVTT Công ty đầu tư

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong kỳ

	Mối quan hệ	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Bán hàng			
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục VN	Bán tem, sách	395.245.331	243.784.274
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Bán tem, sách	10.690.148.655	8.197.680.000
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Bán tem, sách	3.177.300.000	2.999.700.000
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP HCM	Bán tem, sách	6.949.048.800	7.674.400.000
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Cần Thơ	Bán tem, sách	2.189.400.000	2.510.971.200
Viện Nghiên cứu Sách và Học Liệu Giáo dục	Bán tem, sách	7.000.000	5.000.000
Mua hàng			
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục VN	Thu đề tài	-	47.454.546
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Phí QLXB, khác	2.261.905.556	2.014.470.908
	Thuê nhà, khác,...	-	65.800.000
	Mua tem mẫu	-	356.400.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

c. Thu nhập thực nhận của Hội đồng quản trị

		6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Ông Lê Hoàng Hải (*)	Chủ tịch HĐQT	-	292.000.000
Ông Đinh Gia Lê	Phó Chủ tịch HĐQT	114.000.000	146.000.000
Ông Phạm Văn Thắng	Ủy viên HĐQT	114.000.000	146.000.000
Bà Mai Nhị Hà	Ủy viên HĐQT	114.000.000	114.000.000
Bà Nguyễn Bích La	Ủy viên HĐQT	114.000.000	114.000.000
Ông Phạm Huy Phong	Ủy viên HĐQT	114.000.000	32.000.000

(*) Công ty chưa chi trả thù lao HĐQT 6 tháng đầu năm 2024.

d. Tiền lương thực nhận của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Tiền lương của Ban Giám đốc và Kế toán trưởng	1.600.368.479	2.005.646.949

e. Tiền lương, thù lao thực nhận của Ban Kiểm soát

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Tiền lương, thù lao của Ban Kiểm soát	473.428.402	365.104.361

32. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

33. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh của Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023. Số liệu so sánh của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023. Các Báo cáo tài chính này đã được kiểm toán và soát xét bởi AAC.



Giám đốc

Phạm Văn Thắng

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2024

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Quyết

Người lập biểu

Hà Huy Tuấn



Trụ sở chính tại Đà Nẵng

Lô 78-80, Đường 30/4,
Tp. Đà Nẵng, Việt Nam
Tel : +(84-236) 3655 886
Fax: +(84-236) 3655 887
Email: aac@dng.vnn.vn
Website: <http://www.aac.com.vn>

Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh

Tầng 3, Tòa nhà Hoàng Đan
47-49 Hoàng Sa, Quận 1
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel : +(84-28) 3910 2235
Fax: +(84-28) 3910 2349
Email: aac.hcm@aac.vnn.vn

Chi nhánh Hà Nội

Tầng 6, tòa nhà Việt Á
Số 09 Duy Tân, Cầu Giấy
Hà Nội, Việt Nam
Tel : +(84-24) 3224 2403
Fax: +(84-24) 3224 2402
Email: aac.hn@aac.com.vn